

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN M  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2023/DS-ST  
Ngày 03-4-2023  
V/v đòi di sản thừa kế là quyền  
sử dụng đất.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Huỳnh Việt Hằng.

**- Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Trịnh Hữu Hiệp;  
Bà Trịnh Ngọc Dung.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Như Ý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Trịnh Hữu Duy – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 3 và 03 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2015/TLST-DS ngày 28 tháng 01 năm 2015 về việc “*Tranh chấp đòi di sản thừa kế là quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1937 (có mặt lúc khai mạc, phần hỏi và xin vắng mặt khi xét xử còn lại).

2. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm: 1956 (có mặt).

3. Ông Nguyễn Thanh R, sinh năm: 1948 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Cà Mau.

Đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thúy H1 (văn bản ủy **quyền ngày 13/3/2023**).

**Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện M, tỉnh Cà Mau.**

4. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1960 (vắng mặt).

Cư trú: Ấp Vĩnh Thành A, xã Vĩnh Hòa Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Ông T1 vắng mặt, có ủy quyền cho bà Nguyễn Thị T2, sinh năm: 1956 ngày 10/3/2015 (nguyên đơn trong vụ án).

- Bị đơn: Bà Phan Thị T3, sinh năm: 1952.

Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Minh C. (C.A), sinh năm: 1975 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện U, tỉnh C ..

- Người bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Phan Thị T3, luật sư Đặng Huỳnh Q, Văn phòng luật sư Huỳnh Quốc thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Minh C. (C.A), sinh năm: 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện U, tỉnh C ..

Người bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Minh C., luật sư Đặng Huỳnh Q, Văn phòng luật sư Huỳnh Quốc.

2. Bà Nguyễn Ngọc B (vắng mặt).

3. Ông Nguyễn Chánh E (vắng mặt).

4. Ông Nguyễn Tấn H1 (vắng mặt).

5. Ông Nguyễn Chánh U, sinh năm: 1983.

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện U, tỉnh C ..

(Ngọc B., Chánh E., Tấn H1, Chánh U cùng có đơn xin vắng mặt)

6. Bà Nguyễn Hồng C1.

Địa chỉ: ấp Phước Hòa, xã Phước Vinh, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

(Bà C vắng mặt có đơn yêu cầu xin vắng mặt khi xét xử 22/3/2023)

7. Bà Nguyễn Thị V., sinh năm: 1956.

8. Bà Nguyễn Thị Cẩm L., sinh năm: 1956.

9. Bà Nguyễn Thị M., sinh năm: 1966.

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện U, tỉnh C ..

(Bà Vân, bà Lai, bà Măng có yêu cầu xét xử vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 28/01/2015 các nguyên đơn bà Nguyễn Thị T2, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thanh R trình bày:

Cụ Nguyễn Ngọc Phước và cụ Ngô Thị Th. (có 08 người con hiện còn sống 04 người) có 01 phần đất tại Ấp A, xã T, huyện M tỉnh Cà Mau diện tích 25.016 m<sup>2</sup>. Cha chết đã lâu, khi mẹ còn sống có cho ông Nguyễn Minh V. mượn quyền sử dụng đất để vay tiền Ngân hàng Á Châu, một thời gian sau ông V. qua đời, bà

Nguyễn Thị T3 (vợ ông V.) hợp thức hóa giấy tờ và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng và canh tác cho đến nay. Nay cha mẹ đã chết mà bà T3 là con dâu đang quản lý sử dụng phần đất của cha mẹ ông bà nên bà H, bà T2, ông T1, ông R yêu cầu bà T3 trả lại phần đất diện tích 25.026 m<sup>2</sup> cho các ông bà để phân chia thừa kế.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 05/9/2016 các nguyên đơn yêu cầu: Yêu cầu Tòa án xem xét trả lại cho ông bà phần đất theo diện tích đo đạc thực tế là 30.982,5 m<sup>2</sup> tại Ấp A, xã T, huyện U, tỉnh C ..

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị T2 là nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T1 trình bày: Cha mẹ bà có 01 phần đất tại Ấp A, xã T, huyện U, tỉnh C .. Cha mẹ bà có 08 người con hiện còn sống 04 người. Khi mẹ của bà còn sống có cho ông V. mượn bằng khoán để vay tiền Ngân hàng. Sau khi mẹ chết thì bà T3 tự ý làm thủ tục chuyển nhượng sang tên bà T3 nên khi phát hiện anh chị em bà đã khởi kiện và yêu cầu bà T3 trả lại diện tích đất của mẹ bà để lại theo diện tích đo đạc thực tế để anh chị em bà phân chia. Nếu Tòa án phân chia cho ông V. 01 phần thì bà cũng đồng ý, phần còn lại phải giao trả lại

Bà Nguyễn Thị H trình bày: bà thống nhất theo lời trình bày của bà T2, yêu cầu bà T3 trả lại đất để anh em phân chia.

Bà Nguyễn Thúy H1 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Rót trình bày: bà vẫn giữ yêu cầu khởi kiện của ông R, yêu cầu bà T3 trả lại phần đất đang quản lý để phân chia thừa kế vì đây là phần đất của bà ngoại để lại, không cho ông V..

- Các lời trình bày trong quá trình tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Thị T3 trình bày: Nguồn gốc đất là của cha mẹ chồng cho lại ông Nguyễn Minh V. (ông V. là chồng bà) có giấy tờ tặng cho đã nộp cho cơ quan có thẩm quyền khi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trước đây cụ Th. có ủy quyền cho ông V. lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay Ngân hàng Á Châu. Năm 2008 ông V. mất để lại cho bà canh tác cho đến nay, cũng trong năm 2008, Ngân hàng yêu cầu bà đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến nay hiện vay tiền của Ngân hàng nông nghiệp U Minh số tiền bao nhiêu không nhớ. Biên bản họp thân tộc do ông T1 viết có mẹ con của bà biết gồm Chánh A., Chánh E., Chánh U, C., H1, còn những người khác không có mặt, chỉ biết có ghi biên bản, không có đọc lại. Sau đó ông T1 cho những người khác ký bà không biết. Đối với yêu cầu của bà H, bà T2, ông T1, ông R bà không đồng ý vì trước đây cụ Th. đã cho vợ chồng bà nên bà có quyền quản lý sử dụng.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Phan Thị T3 và người liên quan Nguyễn Minh C., luật sư Đặng Huỳnh Q trình bày: Nguồn gốc đất là của cụ Th. và cụ Phước, cha mẹ chồng bà T3 và là cha mẹ ruột của nguyên đơn. Hai cụ có 08 người con, cụ Phước chết trước đã lâu, vợ chồng ông V. sống cùng cụ Th. cho đến khi cụ Th. qua đời và quản lý sử dụng đất hiện tranh chấp. Do cụ Th. sống với ông V. nên được thừa hưởng quyền sử dụng đất

và bà T3 được cấp giấy chứng nhận là phù hợp với xác nhận của Văn phòng đăng ký đất đai ghi về thay đổi là được thừa kế. Quá trình tranh chấp thì gia đình ông C. có tranh chấp bồi đắp dẫn đến diện tích dư như đo đạc. Yêu cầu nếu xem xét chia thừa kế thì trừ phần sang nhượng đất giữa ông C. với ông T1. Về thời hiệu khởi kiện đã hết nên yêu cầu đình chỉ giải quyết vụ án vì hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 645 của Bộ luật dân sự năm 2005.

- Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị T3, ông Nguyễn Minh C. (C.A) trình bày: Không đồng ý với việc đòi đất của bà H, bà T2, ông T1, ông R, vì gia đình đã tranh chấp trên đất đã lâu và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng.

Quá trình tố tụng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Minh C. (C.A) trình bày: Trước đây vào ngày 07/5/1999 cha ông được Ủy ban nhân dân xã Khánh Hòa xác nhận cha ông được hưởng thừa kế phần đất của nội là cụ Ngô Thị Th. với tổng diện tích 25.016 m<sup>2</sup>, sau đó cha ông cho chú là ông T1 06 công đất nên ngày 29/9/2001 ông T1 sang lại và có làm giấy chuyển nhượng cho ông 06 công đất với giá là 6 chỉ vàng 24K, khi sang có hỏi ý kiến của các cô, bác, có họp mặt đồng ý ký tên và nói sau này muốn làm gì thì làm không quan tâm đến nữa. Sau đó cha mất nên không vay tiền ngân hàng được nên ông mới làm giấy chuyển quyền sử dụng cho mẹ ông để được vay tiền Ngân hàng. Đối với yêu cầu của các nguyên đơn về việc đòi đất thì ông không đồng ý vì gia đình ông đã tranh chấp phần đất này đã lâu nên đương nhiên được hưởng. Ngày 04/10/2019, ông nộp đơn yêu cầu phản tố yêu cầu trừ phần đất chuyển nhượng giữa ông với ông T1 khỏi phần đất chia thừa kế do vào năm 2001 đã chuyển nhượng cho ông có ông Nguyễn Văn Thanh, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị T2 ký tên xác nhận trong phần đất mà các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế, khi chuyển nhượng thì có cha mẹ ông biết việc sang đất.

Quá trình tố tụng ông Nguyễn Chánh E, ông Nguyễn Chánh U, ông Nguyễn Tấn H1 cùng trình bày: không thống nhất theo yêu cầu của nguyên đơn vì đã được nội cho đất.

- Tại công văn số 82/NHN<sub>O</sub>-UM ngày 18/10/2019 của Ngân hàng nông nghiệp chi nhánh huyện M thể hiện bà Phan Thị T3 mở hạn mức tín dụng số tiền 100.000.000 đồng thế chấp hợp đồng giao khoán đất lâm nghiệp diện tích 71.103 m<sup>2</sup>, số tiền vay là 50.000.000 đồng và tiền lãi đến ngày 15/10/2019. Đối với các yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng không có ý kiến và xin vắng mặt trong các phiên tòa sơ thẩm.

- Quá trình tố tụng, bà Nguyễn Thị V., Nguyễn Thị Cẩm L., Nguyễn Thị M. cùng có lời khai: Đối với phần đất tranh chấp thì không có ý kiến, nếu cha, mẹ được hưởng 01 phần đất thì các bà đồng ý giao lại cho các chú, cô còn lại (bà H, bà T2, ông T1, ông R) quản lý, sử dụng.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng, Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, tuy nhiên còn để án quá hạn thời hạn chuẩn bị xét xử, vi phạm quy định về

ngừng phiên tòa. Hội đồng xét xử, thư ký, đương sự đã tuân thủ đúng các quy định thủ tục tố tụng về giải quyết vụ án.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 612, 613, 623, 649, 650, 651, 652, 660, 688 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà H, ông R, ông T1, bà T2 về việc yêu cầu chia thừa kế là quyền sử dụng đất thuộc thừa số 29, tờ bản đồ số 05 tọa lạc tại ấp 1 xã Khánh Th, huyện M, tỉnh Cà Mau. Các nguyên đơn bà H, ông R, ông T1, bà T2 mỗi người được chia 4.426m<sup>2</sup> đất di sản (Nam dài 9,64m, Bắc dài 8,57m, Đông và Tây dài 486m); Giao phần thừa kế của bà D, ông Thanh (mỗi phần 4.426m<sup>2</sup>) cho bà T2 quản lý; Bà T3 được nhận phần di sản 4.426m<sup>2</sup> đất. (Nam dài 9,64m, Bắc dài 8,57m, Đông và Tây dài 486m). Án phí: Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành về lệ phí, án phí của Tòa án, các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

- Quan hệ tranh chấp: Các nguyên đơn yêu cầu bà T3 trả lại là quyền sử dụng đất của mẹ các nguyên đơn để chia thừa kế, đất tại Ấp A, xã T, huyện U, tỉnh C., tranh chấp được xác định là tranh chấp đòi lại di sản thừa kế là quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện M theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về người tham gia tố tụng Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn có văn bản ý kiến không có ý kiến đối với yêu cầu nguyên đơn, xét thấy sau khi nhận văn bản của ngân hàng, xét thấy việc bà T3 vay tiền tại Ngân hàng nông nghiệp thế chấp bằng hợp đồng giao khoán không liên quan đến phần đất tranh chấp nên không triệu tập ngân hàng tham gia **xét xử trong vụ án. Đối với việc tham gia tố tụng của Ủy ban nhân dân huyện M, xét thấy tranh chấp giữa các đương sự là tranh** chấp thừa kế nên không cần thiết đưa Ủy ban nhân dân huyện vào tham gia tố tụng nên không triệu tập tham gia phiên tòa.

Cụ Th. (chết năm 1998) và cụ Phước (chết năm 1968) có 8 người con gồm: Nguyễn Thị D. (chết năm 1967, có 06 người con), Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn T2 (chết, có 04 người con), Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thanh R, Nguyễn Văn Hoang (liệt sĩ, không vợ con), Nguyễn Minh V. (chồng bà T3), Nguyễn Thị T2. Đối với con của ông Th2, bà D. **chỉ tiến hành ghi lời khai được bà V., bà L, bà M, những người còn lại không rõ địa chỉ nên không thể đưa vào tham gia tố tụng.**

**Nguyễn Chánh E, Nguyễn Ngọc B, Nguyễn Tấn H1, Nguyễn Chánh U, Nguyễn Hồng C1, Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị Cẩm L., Nguyễn Thị M. có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự này.**

- Đối với kiến nghị ngày 15/10/2019 của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn Phan Thị T3 và người liên quan ông Nguyễn Minh C. về việc đình chỉ vụ án do hết thời hiệu chia thừa kế theo quy định tại Điều 465 Bộ luật dân sự năm 2005, yêu cầu tòa án căn cứ khoản 1 điều 168, khoản 2 điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2005 trả lại đơn khởi kiện – đình chỉ giải quyết yêu cầu chia thừa kế. Xét thấy, theo quy định tại Điều 623, 688 của Bộ luật dân sự thì thời hiệu chia thừa kế đối với bất động sản là 30 năm nên các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất tòa án thụ lý ngày 28/01/2015 là còn trong thời hiệu khởi kiện nên không chấp nhận đề nghị của Luật sư và ông C.

- Đối với yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Minh C. ngày 04/10/2019, yêu cầu trừ phần đất mà ông T1 đã sang nhượng cho ông vào năm 2001, có ông Nguyễn Văn Thanh, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị T2 ký tên xác nhận (trong phần đất mà các nguyên đơn yêu cầu đòi lại để chia thừa kế), các nguyên đơn cũng thừa nhận có việc chuyển nhượng giữa ông T1 với ông C., tuy nhiên, do yêu cầu của ông C. phát sinh sau khi Tòa án đã công khai tài liệu chứng cứ, đã quyết định đưa vụ án ra xét xử nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này, nếu có tranh chấp thì được kiện thành vụ kiện khác.

[2]. Về nội dung:

Tại phiên tòa, các nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cùng xác định yêu cầu bà T3 giao trả lại phần đất di sản của cụ Th., đồng ý trừ phần ông V. được hưởng thừa kế, còn lại giao lại trả cho các anh chị em bà để phân chia.

Phần đất tranh chấp có diện tích đo đạc thực tế là 30.982,5m<sup>2</sup> tại Ấp A, xã T huyện M (có tứ cận Phía Đông giáp Kinh giữa dài 60 mét, phía tây giáp sông Cái Tàu dài 67,5 mét, phía Nam giáp kênh 21 dài 486 mét, phía Bắc giáp Nguyễn Thị T2 dài 486 mét), có nguồn gốc là của cụ Ngô Thị Th. đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng được cấp năm 1995. Cụ Th. chết năm 1998 không để lại di chúc.

Bà T3 cho rằng phần đất tranh chấp đã được cụ Th. cho ông V. khi còn sống nhưng ngoài lời trình bày thì không có tài liệu chứng minh việc cụ Th. cho đất ông V. nên không có căn cứ về việc cụ Th. đã tặng cho đất ông V. như bà T3 trình bày. Tại phiên tòa, ông C. đại diện theo ủy quyền của bà T3 và luật sư cho rằng việc bà T3 đứng tên quyền sử dụng đất là do được Ủy ban nhân dân xã xác nhận do ông V. được thừa kế toàn bộ đất và gia đình canh tác trên đất đã lâu nên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng.

Xét thấy, hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T3 trên cơ sở xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Khánh Th xác định ông V. được thừa kế hưởng toàn bộ phần đất của cụ Th. để lại là không đúng theo quy định về thừa kế, do cụ Th. chết không để lại di chúc nên đây là di sản của cụ Th. để lại, các con của cụ Th. có quyền được thừa kế theo quy định của pháp luật, các con của cụ Th. không ai có văn bản từ chối nhận di sản mà họ được hưởng nên việc xác nhận được hưởng thừa kế toàn bộ phần đất của cụ Th. là không đúng quy định,

ảnh hưởng đến quyền lợi của các người con khác của cụ Th., vì đây là đất của ông bà tạo lập, do cụ Th. đứng tên quyền sử dụng không phải do vợ chồng ông V. khai phá. Ngoài ra, ông C. cho rằng, đất này ông V. được cho toàn bộ nên vào năm 2001 giữa ông C. với ông T1 có thực hiện chuyển nhượng 6 công đất, tuy nhiên việc chuyển nhượng này không thể hiện phần đất chuyển nhượng có tư cận như thế nào, việc chuyển nhượng này có ông Thanh, bà H, bà T2, ông T1 ký tên thống nhất, điều này, cũng thể hiện phần đất này là của cha mẹ của ông T1, ông V., bà H, bà T2, ông R, ông Thanh để lại, không phải cho ông V. toàn bộ như bà T3, ông C. trình bày nên khi chuyển nhượng thì có sự đồng ý của các anh em ông V.. Ông C. cho rằng ông V. cho ông T1, sau đó ông T1 chuyển nhượng cho ông C. nhưng giấy sang nhượng ông V. không ký tên nên không có căn cứ cho rằng đất này là của ông V. cho ông T1 như ông C. trình bày.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế diện tích 30.982,5m<sup>2</sup> tại Ấp A, xã T, huyện U, tỉnh C. là di sản của cụ Ngô Thị Th. để lại không có di chúc, bà T3 đang quản lý phần đất của cụ Th. nên ông T1, bà H, bà T2, ông R là con của cụ Th. yêu cầu bà T3 trả lại phần đất là di sản của cụ Th. để phân chia thừa kế là có căn cứ.

- Ông C. cho rằng quá trình canh tác, gia đình có bồi đắp nên có được diện tích nhiều hơn giấy chứng nhận được cấp nhưng tại công văn số 35/CNVPĐKĐĐ ngày 24/8/2016 chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai xác định, diện tích tăng thêm là do giấy chứng nhận cấp theo bản đồ 299 bị sai số, ông C. cũng không nêu được diện tích đã bồi đắp là bao nhiêu nên không có căn cứ xác định diện tích tăng là do gia đình ông C. bồi đắp, tuy nhiên, phía gia đình bà T3 canh tác trên đất có công gìn giữ, cải tạo nên Hội đồng xét xử tính công sức chăm sóc, cải tạo của gia đình bà T3, ông V. bằng 10% diện tích đất khi phân chia phần di sản này.

Theo đó, do cụ Th. chết không để lại di chúc nên di sản thừa kế được chia theo pháp luật. Cụ Ngô Thị Th. và cụ Nguyễn Văn Phước có 8 người con gồm: Nguyễn Thị Dễ, Nguyễn Văn Thanh, Nguyễn Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn Rót, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Minh Vui, Nguyễn Văn T1, thời điểm mở thừa kế được xác định là năm 1998 khi cụ Th. chết. Tại thời điểm mở thừa kế thì những người được hưởng thừa kế gồm: Bà H, ông Thanh, ông R, ông V., bà T2, bà T1. Đối với bà Dễ do chết trước cụ Th. nên phát sinh thừa kế thế vị đối với các con của bà Dễ. Riêng ông Hoang cũng là người chết trước cụ Th. nhưng không có con nên không phát sinh thừa kế thế vị, do đó, di sản cụ Th. sẽ được chia cho 07 phần bằng nhau cho các con của cụ gồm: Bà H, ông Thanh, ông R, ông V., bà T2, bà T1, bà Dễ.

Tính công sức chăm sóc, cải tạo đất cho gia đình ông V., bà T3 là 10% là 30.982,5 m<sup>2</sup> x 10% = 3.098 m<sup>2</sup> (làm tròn), nên diện tích đất còn lại làm căn cứ chia di sản là 30.982,5m<sup>2</sup> – 3.098 = 27.884,5 m<sup>2</sup>, mỗi người con của cụ Th. được 01 phần diện tích 27.884,5m<sup>2</sup>/7 = 3.983,5 m<sup>2</sup> phần đất tại Ấp A, xã T, huyện U, tỉnh C ..

- Đối với phần thừa kế ông V. (chết sau cụ Th.) nên phần thừa kế này được chuyển tiếp cho vợ là bà Phan Thị T3 và các con của ông V. gồm: Nguyễn Minh C., Nguyễn Hồng C1, Nguyễn Chánh E, Nguyễn Chánh U, Nguyễn Tấn H1 là thừa hưởng, cụ thể phần ông V. được hưởng tổng cộng là  $3.983,5 + 3.098 = 7.081,5 \text{ m}^2$  tại Ấp A, xã T, huyện U, tỉnh C., theo đó phần đất được chia có tứ cận: chiều dài hai cạnh (phía Bắc giáp với bà T2 và phía Nam) dài 486 mét, phía giáp với lộ sông Cái Tàu dài 14,57 mét, phía giáp với kênh xáng giữa dài 14,57 mét.

- Bà Nguyễn Thị Dể, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn Thanh, ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn Rớt mỗi người được chia diện tích  $3.983,5 \text{ m}^2$ . Do các nguyên đơn không yêu cầu chia cụ thể nên Hội đồng xét xử không xem xét. Phần của ông Nguyễn Văn Thanh và bà Nguyễn Thị Dể do ghi được lời khai của con ông Thanh và bà Dể là bà Lai, bà Vân, bà Măng không yêu cầu nhận di sản mà giao lại cho các nguyên đơn quản lý, theo đó phần của bà Dể, ông Thanh giao lại cho các nguyên đơn quản lý. Theo lời trình bày của ông C., phần đất hiện nay do bà Phan Thị T3 quản lý, ông Nguyễn Chánh U và bà Nguyễn Ngọc B không còn ở trên đất nên buộc bà Phan Thị T3 giao lại diện tích  $23901 \text{ m}^2$  cho các nguyên đơn, theo đó phần đất có tứ cận: phía giáp với Kinh 21 dài 486 mét, phía Bắc giáp với phần đất giao cho bà T3 và các con bà T3, ông V. được hưởng dài 468 mét, phía giáp với lộ sông Cái Tàu dài 52,93 mét, phía giáp với kênh xáng giữa dài 45,43 mét tại Ấp A, xã T, huyện U, tỉnh C.. Đối với cây mai bà T3 trồng trên phần đất giao lại thì bà T3 phải di dời để trả đất.

Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp như đã nhận định đã nêu nên Hội đồng xét xử chấp nhận, tuy nhiên có xem xét thêm công sức chăm sóc, gìn giữ của gia đình bà T3, ông V..

Đối với phần đất mình được giao thì các đương sự có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

- Chi phí thẩm định, định giá tài sản: yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên **chi phí đo đạc số tiền 3.110.000 đồng, chi phí thẩm định giá số tiền 4.000.000 đồng tổng cộng 7.110.000 đồng (bà H đã nộp) bị đơn phải chịu, nguyên đơn đã nộp xong, nên bà Phan Thị T3 phải trả cho các nguyên đơn số tiền này.**

- Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự. Bị đơn thuộc trường hợp được miễn là người cao tuổi nên không phải nộp án phí.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 612, 613, 623; 649, 650; Điều 651, 652, 660, 688 của của Bộ luật Dân sự và Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

### Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn đối với bị đơn về việc đòi lại di sản là quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được xác định là di sản của cụ Ngô Thị Th. có diện tích 30.982,5 m<sup>2</sup> tại Ấp A, xã T, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (có sơ đồ kèm theo) (phần đất hiện do bà Phan Thị T3 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng).

- Bà Phan Thị T3 và các con của ông V., bà T3 gồm: Nguyễn Minh C., Nguyễn Hồng C1, Nguyễn Chánh E, Nguyễn Chánh U, Nguyễn Tấn H1 là được chia phần đất diện tích 7.081,5 m<sup>2</sup> tại Ấp A, xã T, huyện U, tỉnh C., có tứ cận: chiều dài hai cạnh (phía Bắc giáp với bà T2 và phía Nam) dài 486 mét, phía giáp với lộ sông Cái Tàu dài 14.57 mét, phía giáp với kênh xáng giữa dài 14.57 mét.

- Buộc bà Phan Thị T3 giao lại cho bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn Văn T1, ông Nguyễn Văn Rớt diện tích 23901,5 m<sup>2</sup>, phần đất tại Ấp A, xã T, huyện M là tổng diện tích bà H, bà T2, ông T1, ông R, ông Thanh và bà Dể được chia. Có tứ cận phía giáp Nam với Kinh 21 dài 486 mét, phía Bắc giáp với phần đất giao cho bà Phan Thị T3 và các con bà T3 dài 468 mét, phía giáp với lộ sông Cái Tàu dài 52,93 mét, phía giáp với kênh xáng giữa dài 45,43 mét. Đối với cây mai bà T3 trồng trên phần đất giao lại thì bà T3 phải di dời khi giao đất.

Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo diện tích được chia.

[2]. Buộc bà **Phan Thị T3 phải trả cho bà H, bà T2, ông T1, ông R chi phí tố tụng tổng cộng 7.110.000 (Bảy triệu, một trăm mười ngàn) đồng.**

[3]. Án phí dân sự sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn được miễn do thuộc trường hợp được miễn.

Bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn Thanh R, ông Nguyễn Văn T1 đã nộp tạm ứng án phí số tiền 5.000.000 đồng ngày 28/02/2015 theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 05092 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Cà Mau được nhận lại khi án có hiệu lực.

[4]. Án xử sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng

cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Việt Hằng**